

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đồng T - sinh ngày 29/10/1992, có mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Phước S - sinh ngày 21/6/1986, có mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đồng T như sau:

Bà kết hôn với ông Lê Phước S vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, ông bà không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G vào ngày 31/01/2019.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông S cờ bạc nợ nần, khoảng 03 tháng nay ông S còn hăm dọa giết bà nhiều lần nên bà sợ

không sống chung với ông S mà phải bỏ nhà đi thành phố làm kiếm tiền, vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm đối với ông Lê Phước S nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Phước S.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 01 người con chung tên Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Lê Phước S.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung tên Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019 cho ông Lê Phước S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Phước S trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đồng T về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn ông S khai rằng: vợ chồng có bất đồng trong cuộc sống nhưng không đến mức phải ly hôn. Bản thân ông có ham chơi cờ bạc chút xíu nhưng không đến nỗi gây ra nợ nần, chỉ là giải trí thôi. Hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2024 đến nay do vợ ông bắt ông ngủ riêng, một tháng nay vợ ông bỏ nhà đi không nói với ông tiếng nào. Vợ ông nói vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 năm là không đúng mà vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2024, vợ ông nói ly thân 04 năm là không đúng và nói ông hăm giết nhiều lần là không đúng, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đồng T.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019 và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đồng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đồng T cương quyết ly hôn với ông Lê Phước S.

Về con chung: Bà T đồng ý giao con chung tên Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019 cho ông S nuôi dưỡng, ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Lê Phước S không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đồng T vì cho rằng ông còn thương vợ con nhưng ông thừa nhận mâu thuẫn mà bà Nguyễn Thị Đồng T trình bày tại phiên tòa có phần đúng, vợ chồng ông có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có cãi vã nhưng ông muốn hàn gắn gia đình để lo cho con. Về con chung: ông xin nuôi con Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019 và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S kết hôn vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2019, ngày 31/01/2019, như vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà có một người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Nguyễn Thị Đồng T cho rằng do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, do ông S cờ bạc nợ nần, còn hăm dọa giết bà nhiều lần nên bà sợ không sống chung với ông S mà phải bỏ nhà đi thành phố làm kiếm tiền. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung. Ông Lê Phước S thừa nhận bản thân ông có chơi đá gà nhưng chỉ mang tính chất giải trí, mâu thuẫn mà bà Nguyễn Thị Đồng T trình bày tại phiên tòa có phần đúng nhưng ông không đồng ý ly hôn. Ngày 28/5/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Nguyễn Thị Đồng T cương quyết ly hôn với ông Lê Phước S. Xét thấy, vợ chồng bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân, ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Đồng T không tìm được

tiếng nói chung để hàn gắn hôn nhân, bản thân ông Lê Phước S đã thừa nhận mâu thuẫn mà bà Nguyễn Thị Đồng T trình bày là có phần đúng, điều đó cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đồng T cương quyết xin ly hôn với ông Lê Phước S và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Lê Phước S, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đồng T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S có 01 người con chung tên Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019. Bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S tự thỏa thuận giao cháu T1 cho ông Lê Phước S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Phước S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đồng T và ông Lê Phước S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Thị Đồng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0014867, ngày 11/4/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số điều trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đồng T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Đồng T ly hôn với ông Lê Phước S.

Về con chung: Giao cháu Lê Phước T1 – sinh ngày 05/02/2019 cho ông Lê Phước S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Đồng T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở bà T thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đồng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014867, ngày 11/4/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thắng;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang